

Phụ lục II
DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06 NĂM 2027
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày tháng 7 năm 2026 của UBND xã Minh Tân)

STT	Hạng mục triển khai	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thuế (VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú	Đơn vị thực hiện	Đơn vị triển khai	Đảm bảo tiêu chí UBND tỉnh chấm điểm DTI
I	Khoa học công nghệ					185,000,000 đ				
1	Công tác phổ biến tuyên truyền, phổ biến chính sách, hoạt động về KH,CN, ĐMST và CDS: Hướng ứng Ngày hội CDS 10/10; Ngày hội Đổi mới sáng tạo;	Hội nghị	2	15,000,000 đ		30,000,000 đ		UBND xã		100% các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng Kế hoạch hướng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia trong phạm vi, địa bàn quản lý và tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra
2	Công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng; Tập huấn CBCCVC về AI...	Hội nghị	3	15,000,000 đ		45,000,000 đ		UBND xã		100% cán bộ công chức, tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ số
3	Chi biên soạn tài liệu tuyên truyền, biên tập tin, bài, ảnh....	Cả năm				50,000,000 đ		UBND xã		
4	Chi hỗ trợ hoạt động Tổ CDS cộng đồng hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số.	Tổ	12	5,000,000 đ		60,000,000 đ		UBND xã		
II	Đổi mới sáng tạo					275,200,000 đ				
1	Công tác quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hoá: tuyên truyền, kiểm tra các sản phẩm mặt hàng đóng gói sẵn tại chợ, điểm bán buôn, bán lẻ..	Cả năm				30,000,000 đ		UBND xã		
2	Xây dựng, duy trì, áp dụng và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: Hội nghị tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra, đánh giá chất lượng, thuê chuyên gia xây dựng hệ thống..	Hệ thống	1	50,000,000 đ		50,000,000 đ		UBND xã		
3	Hoạt động của Hội đồng đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ	Cả năm				30,000,000 đ		UBND xã		
4	Tập huấn nâng cao năng lực chuyển đổi số cho HTX, hộ sản xuất; hỗ trợ xây dựng thông tin truy xuất nguồn gốc, tem QR và quảng bá sản phẩm trên nền tảng số; triển khai mô hình điểm ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại địa phương (Mô hình quảng bá sản phẩm OCOP trên nền tảng số)	Cả năm				50,000,000 đ		UBND xã		

STT	Hạng mục triển khai	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thuế (VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Đơn vị thực hiện	Đơn vị triển khai	Đảm bảo tiêu chí UBND tỉnh chấm điểm DTI
5	- Nền tảng tri thức số (AI) hỗ trợ cán bộ công chức (VNPT iKnow) 30 người sử dụng (Dự kiến tài khoản sử dụng: Đảng ủy 06, HĐND (01), MTTQ (02); UBND (gồm LĐ (03) ,VP(04), KT (04), VH (04), HCC (01), DVC (01)).	Gói 12 tháng	26	2,500,000 đ	8%	70,200,000 đ	Phần mềm (Thuê hàng năm)	ĐU, HĐND, UBND, UBMTTQ xã	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc các công cụ hỗ trợ tác nghiệp số trong quá trình thực thi công vụ, nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất làm việc
6	Tài liệu, văn phòng phẩm, truyền thông, chi khác phục vụ nhiệm vụ KH,CN, ĐMST&CĐS (đồ mực, sửa chữa thiết bị CNTT, đảm bảo hoạt động của hệ thống mạng,...)	Cả năm				45,000,000 đ		UBND xã		
III	Chuyển đổi số					3,324,089,461 đ				
1	Nâng cấp, thay thế máy tính cho CCVC	Bộ	20	17,014,000 đ	8%	367,502,400 đ		Đảng uỷ; HĐND, UBND, MTTQ xã		
2	Nâng cấp hệ thống truyền thanh	bộ	15	40,000,000 đ		600,000,000 đ		UBND xã		
3	Hệ thống phòng họp không giấy tờ VNPT – eCabinet. (dự kiến là 15 tài khoản/người) (Đảng 05; HĐND 01; MTTQ 01; UBND 08).	Gói 09 tháng	15	1,300,905 đ	8%	21,074,661 đ	Phần mềm - Thuê hàng năm (Theo VB số 1363 của VPUBND tỉnh NB v/v triển khai và sử dụng)	UBND xã	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ cuộc họp của chính quyền cấp xã được tổ chức và điều hành thông qua hệ thống, nền tảng họp không giấy tờ
4	Máy tính bảng Samsung Galaxy Tab S11 5G 12GB 256GB - Đảng: Chánh VP, Phó chánh VP, CNUBKT, Trưởng ban XDD (04) - HĐND: phó chủ tịch HĐND (01) - MTTQ: Chủ tịch MTTQ (01) - UBND: Phó chủ tịch UBND, trưởng, phó phòng KT, trưởng, phó phòng Văn hóa, Chánh, phó chánh VP HĐND&UBND, giám đốc HCC, Văn thư, TTDVSNV	chiếc	17	23,000,000		391,000,000	Máy tính bảng phục vụ phòng họp không giấy tờ	UBND xã	VNPT Ninh Bình	
5	Mua sắm máy tính và máy in cho tổ công nghệ số cộng đồng	Bộ	12	30,000,000 đ		360,000,000 đ				

STT	Hạng mục triển khai	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thuế (VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Đơn vị thực hiện	Đơn vị triển khai	Đảm bảo tiêu chí UBND tỉnh chấm điểm DTI
6	Xây dựng Hồ sơ cấp độ ATTT của xã/phường (Cấp độ 2)	Gói 12 tháng	1	45,000,000 đ	8%	48,600,000 đ	Mua sắm (Theo VB số 791 của Công an tỉnh NB v/v hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin)	UBND xã	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ
7	Mạng truyền số liệu chuyên dùng VNPT (01 bên khối đảng; 01 bên khối chính quyền)	Gói 12 tháng	2	29,712,000 đ	10%	65,366,400 đ	Gia hạn đường truyền số liệu chuyên dùng cho cả khối Đảng và Chính quyền	Đảng ủy; UBND xã	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ cuộc họp của chính quyền cấp xã được tổ chức và điều hành thông qua hệ thống, nền tảng họp không giấy tờ
8	Trang bị hệ thống internet thôn	12 tháng	32	2,520,000 đ		80,640,000 đ	210k gói cước/tháng)	UBND xã	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ hệ thống WiFi công cộng miễn phí phục vụ nhu cầu của người dân và du khách tại các điểm công cộng như tại nhà văn hóa, các điểm tham quan du lịch, trụ sở UBND cấp xã
9	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh	Chiếc	50	9,725,000 đ		486,270,000 đ		Công an xã		Tỉ lệ triển khai hệ thống camera giám sát an ninh, trật tự xã hội
10	Lắp đặt camera an ninh tại trung tâm phục vụ hành chính công	Chiếc	4	1,500,000 đ		6,000,000 đ		TTPVHCC		
11	Thực hiện số hoá hồ sơ					500,000,000 đ		UBND xã		
12	Phần mềm diệt Virus cho máy tính (VNPT Smart IR) - Đảng ủy: 12 máy - HĐND: 03 máy - MTTQ và các đoàn thể: 05 máy - UBND xã: 36 máy	Gói 12 tháng	56	700,000 đ	8%	42,336,000 đ	Dự kiến cài đặt phần mềm thuê hàng năm cho 56 thiết bị máy tính	ĐU, HĐND, UBND, MTTQ	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính phủ số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá an ninh mạng định kỳ
13	Duy trì nền tảng số, phần mềm dùng chung, tên miền, chữ ký số (phần mềm PCGD,XMC, duy trì hosting trang thông tin điện tử, phần mềm kế toán, tài sản,.....) (HĐND, UBND 130 triệu); phần mềm Đảng phí, phần mềm kế toán, phần mềm quản lý TS.... (ĐU+MTTQ: 40 triệu)	Gói 12 tháng	1	170,000,000 đ	8%	183,600,000 đ	Các loại phần mềm sử dụng tại Đảng ủy, HĐND, UBND xã hàng năm	ĐU, HĐND, UBND, MTTQ		Tỉ lệ hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử

STT	Hạng mục triển khai	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thuế (VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú	Đơn vị thực hiện	Đơn vị triển khai	Đảm bảo tiêu chí UBND tỉnh chấm điểm DTI
14	Biên lai điện tử + BHXH + CKS HSM (gói hàng năm)	Gói 12 tháng	1	17,000,000 đ	10%	18,700,000 đ		UBND xã	VNPT Ninh Bình	Tỷ lệ lĩnh vực kinh tế – xã hội trên địa bàn cấp xã được quản lý, cập nhật dữ liệu thông qua hệ thống quản lý thông tin dữ liệu số
15	Sử dụng dịch vụ Bưu chính, công ích, thuê dịch vụ thực, hiện luân chuyển hồ sơ TTHC	Cả năm	1730	26,000 đ		45,000,000 đ		UBND xã	Bưu điện	Hỗ trợ trả kết quả cho người dân trên dịch vụ bưu chính công ích theo Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 26/3/2026 của UBND tỉnh Ninh Bình
16	Phần mềm quản lý trường học (khối cấp 1 và cấp 2)	Cả năm	8	6,000,000 đ		48,000,000 đ				Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn cấp xã (mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên) đạt mức độ chuyển đổi số từ mức độ 2
17	Học bạ số	Cả năm	3000	15,000 đ		45,000,000 đ				trở lên theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 và Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo so với tổng số cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn.
18	Hỗ trợ công tác chuyển đổi số lĩnh vực y tế	Cả năm				15,000,000 đ				
	Tổng (I+II+III)					3,784,289,461 đ				